

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VĨNH LONG **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 56 /2023/HSPT

Ngày: 09 - 8 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kiều Duyên**

Các Thẩm phán:

1/ Bà **Nguyễn Thị Tư**

2/ Ông **Lê Nguyên Khoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Dương Thị Thu Nguyệt** – Thư ký của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà **Lê Thị Tuyết Hoa** – Kiểm sát viên.

Ngày 9 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2023/HSPT ngày 24/5/2023 đối với bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và bị cáo Đỗ Thị Tuyết N. Do có kháng cáo của bị hại Võ Phương T đối với bản án hình sự sơ thẩm số: 16/2023/HSST ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố VL.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1979 tại VL; Nơi thường trú: ấp P1, xã Long P, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện tại: đường Lò R, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ học vấn: 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu Ph và bà Nguyễn Thị Ngọc S; chồng Trương Nguyễn H1 đã ly hôn, có 01 người con; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

2. Bị cáo **Đỗ Thị Tuyết N**, sinh năm 1977 tại VL; Nơi thường trú: ấp An Th, xã An B, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long; nơi ở hiện tại: 62/13D khóm 2, phường 3, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Thẩm mỹ; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con

ông Đỗ Văn T1 (chết) và bà Nguyễn Ngọc Nh; chồng Huỳnh Kim Nguyên T2 đã ly hôn, có 01 người con sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H là bà Nguyễn Anh Th – Luật sư của Văn phòng luật sư Nguyễn Anh Thy, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long. “Có mặt”

Bị hại: Võ Phương T, sinh năm 1979 “Có mặt”

Nơi cư trú: số 115/3A đường 14/9, khóm 6, phường 5, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Đỗ Thị Tuyết N cho rằng có cho chị Phan Thị Kim Th2 mượn số tiền 130.000.000 đồng, bị cáo N nhiều lần đòi tiền thì bị chị T ngăn cản vì chị T là bạn ở chung nhà với Th2. Vì vậy, bị cáo N tức giận và kể lại chuyện mâu thuẫn cho bạn là bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H nghe nên bị cáo H rủ bị cáo N cùng đi tìm chị Võ Phương T nói chuyện thì bị cáo N đồng ý.

Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 01/6/2022, bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và bị cáo Đỗ Thị Tuyết N hẹn gặp nhau, bị cáo N chở bị cáo H bằng xe mô tô 64B1–319.78 xuống quán cà phê gần Trường tiểu học Thanh Đức B, xã Thanh Đ, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long nơi chị T dạy học để tìm T nói chuyện giải quyết mâu thuẫn tình cảm và tiền bạc, nhưng không gặp được nên N chở H về. Trên đường về khi đến đoạn đường trước Công ty trách nhiệm hữu hạn HV Vĩnh Long, địa chỉ số 117 đường 14/9, Khóm 6, Phường 5, thành phố VL thì gặp chị Võ Phương T đang điều khiển xe mô tô 64C1–180.77 đi một mình theo chiều ngược lại. Lúc này, bị cáo N chuyển hướng xe qua đường để chặn đầu xe của chị T, khi đó bị cáo H xuống xe đi lại nắm lấy tay của chị T và gác chân lên xe 64C1–180.77 để nói chuyện liên quan đến việc bạn của chị T tên Th2 mượn tiền của bị cáo N nhưng không chịu trả và T thường ngăn cản việc bị cáo N đòi tiền. Lúc này bị cáo N vẫn ngồi trên xe quan sát, bị cáo H nắm tay kéo chị T vào lề làm cho xe của chị T bị ngã. Trong lúc chị T và bị cáo H cự cãi xô xát với nhau thì bị cáo H dùng nón bảo hiểm đánh và dùng tay kéo làm cho chị T bị đứt cúc áo, chị T cũng dùng nón bảo hiểm để đánh trả lại. Cả hai giằng co đuổi đánh qua lại trên đường 14/9 và kéo dài được 01 đoạn khoảng 56,5 mét đến trước nhà số

256/1C Khóm 6, Phường 5, thành phố VL thì chị T bị rơi điện thoại Iphone 13 promax nên định nhặt lại thì bị cáo H ngăn cản và lấy điện thoại của chị T đưa cho bị cáo N cất giữ, lúc này chị T cố giật lại điện thoại trên tay của bị cáo N nhưng bị cáo N xô ra không cho T lấy lại được điện thoại nên làm đứt sợi dây “chuỗi” trang sức của T đang đeo trên tay bị rơi mất, chị T bị bị cáo H xô té ngã. Sau đó bị cáo H lên xe cho bị cáo N chở đi, trên đường về thì bị cáo H nói với bị cáo N là đánh và lấy điện thoại của T để T về nói lại sự việc cho Th2 biết để Th2 sợ mà trả tiền thì bị cáo N đồng ý. Đến sáng ngày 03/6/2022 thì bị cáo H đưa lại điện thoại Iphone 13 promax bên trong ốp lưng có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng cho bị cáo N đi giao nộp cho Công an.

Căn cứ kết luận giám định pháp y về thương tích số 117/2022/TgT ngày 08/7/2022 của Trung tâm pháp y tỉnh Vĩnh Long, kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây ra của Võ Phương T là 3%.

Căn cứ kết luận định giá tài sản số 36/HĐĐGTSTTHS ngày 16/6/2022 của Hội đồng định giá và Tổ tụng hình sự thành phố Vĩnh Long, kết luận điện thoại di động hiệu Iphone 13 Promax màu trắng loại 128Gb trị giá 30.770.100 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số: 35/2023/HSST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố VL đã quyết định:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Đỗ Thị Tuyết N phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 54, 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Hà được tính từ ngày bị bắt đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 54, 58, 65 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết N 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo.

Thời gian thử thách là 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án 13/4/2023.

Giao bị cáo Đỗ Thị Tuyết N cho Ủy ban nhân dân Phường 3, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586, 587, 589 và 590 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và Đỗ Thị Tuyết N liên đới bồi thường cho bị hại Võ Phương T 10.825.000 đồng (mười triệu tám trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 27/4/2023, bị hại Võ Phương T có đơn kháng cáo với nội dung: kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm

- Về hình phạt: không đồng ý cấp sơ thẩm xét xử bị cáo N án treo, yêu cầu xử phạt bị cáo N hình phạt tù giam. Đề nghị tăng nặng hình phạt tù đối với hai bị cáo Hà và N.

- Về trách nhiệm dân sự: đề nghị buộc các bị cáo bồi thường các khoản sau:

+ 1.000.000đ (02 tờ 500.000đ trong ốp lưng điện thoại)

+ 01 dây chuyền trị giá 12.900.000đ

+ 01 mặt dây chuyền có gắn hình phạt trị giá 17.000.000đ

+ 01 dây chuỗi đeo tay bằng vàng trị giá 5.600.000đ

+ 01 tai nghe AirPods trị giá 4.000.000đ

+ Tiền tổn thất tinh thần 10 tháng lương cơ sở bằng 14.900.000đ

Tổng cộng 55.400.000đ

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo H và bị cáo N thừa nhận hành vi phạm tội đúng như bản án sơ thẩm đã xét xử.

Bị hại Võ Phương T trình bày: có thay đổi kháng cáo về phần trách nhiệm hình sự đối với bị cáo N, chỉ kháng cáo chuyển hình phạt tù không cho bị cáo N hưởng án treo, nhưng không tăng hình phạt đối với bị cáo N, đề nghị tăng hình phạt tù đối với bị cáo H. Về bồi thường thiệt hại đồng ý bồi thường xâu chuỗi theo như định giá là 5.355.000 đồng, các phần khác giữ nguyên theo đơn kháng cáo.

Bị cáo H trình bày: Xin hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo giữ nguyên mức hình phạt như cấp sơ thẩm đã xét xử, vì bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn. Bị cáo không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại T.

Bị cáo N trình bày: Bị cáo rất ăn năn xin cho bị cáo mức án như cấp sơ thẩm đã xét xử. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại T về xâu chuỗi theo kết quả định giá là 5.355.000 đồng.

Luật sư Nguyễn Anh Th phát biểu quan điểm bào chữa cho bị cáo H: Bị cáo H có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân bị cáo bị bệnh rất nhiều, không đồng ý bồi thường tai nghe airpod theo đề nghị của Viện kiểm sát.

Kiểm sát viên nêu quan điểm giải quyết vụ án: Sau khi phân tích hành vi phạm tội, phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Võ Phương T, sửa bản án hình sự sơ thẩm số 35/2023/HSST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố VL theo hướng tăng bồi thường thiệt hại chấp nhận bồi thường tai nghe 2.000.000 đồng, các yêu cầu khác không được chấp nhận. Đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H 02 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tù được tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 168, điểm b,s khoản 1 Điều 51, Điều 65, Điều 54, Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Tuyết N 02 năm tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 năm về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn tính từ ngày tuyên án 13/4/2023

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo N và bị cáo H liên đới bồi thường cho bị hại T tổng số tiền 12.825.000đ

Về án phí: buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Xin giữ nguyên mức án như cấp sơ thẩm đã xét xử.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng; do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Đơn kháng cáo của bị hại Võ Phương T đảm bảo hình thức và thời hạn, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 07 giờ ngày 01/6/2022 thì bị cáo N chở bị cáo H trên đường 14 -9 hướng về cầu Thiêng Đ, tại đoạn đường trước Công ty trách nhiệm hữu hạn HV thuộc Phường 5, thành phố VL thì phát hiện bị hại T đang điều khiển xe SH màu trắng chạy theo chiều ngược lại. Lúc này bị cáo N điều khiển xe mô tô chặn xe của chị T còn bị cáo H xuống xe kéo chị T vào lề nói chuyện, bị cáo H chủ động dùng tay và nón bảo hiểm đánh chị T trước và giữa bị cáo H và chị T xảy ra xô xát và đánh nhau làm cho chị T bị rớt điện thoại di động hiệu Iphone 13 promax, thấy vậy bị cáo H ngăn cản không cho chị T nhặt lại điện thoại mà chiếm đoạt đưa cho bị cáo N đang ngồi trên xe đợi sẵn rồi cả hai cùng tẩu thoát.

Do đó, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và bị cáo Đỗ Thị Tuyết N cùng phạm tội “Cướp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 168 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3]. Xét kháng cáo của bị hại tăng hình phạt với bị cáo H không cho bị cáo N được hưởng án treo là có căn cứ.

Đối với bị cáo Đỗ Thị Tuyết N: Nguyên nhân xảy ra sự việc là do bị cáo N, chính bị cáo N đã kể cho bị cáo H nghe sự việc Th2 thiếu nợ bị cáo N, T là bạn của Th2 ngăn cản không cho Th2 trả nợ bị cáo N, Th2 và bị cáo N yêu nhau đồng giới, chính bị cáo N chở H đi xuống trường tiểu học Thiêng Đ đi kiếm T ngồi chờ 15 phút không gặp T, trở về thì bị cáo N phát hiện T, chính bị cáo N quay đầu xe chặn xe T, để bị cáo H thực hiện hành vi đánh T lấy đi tài sản của T. Mặc dù, bị cáo N không thực hiện hành vi đánh T, nhưng bị cáo N ngồi chờ bị cáo H, khi bị cáo H lấy được tài sản của T đưa cho N, khi T giành lại thì bị cáo N giằng co với bị hại T quyết liệt lấy đi tài sản của T là điện thoại di động, sau đó cho xe chạy đi. Mức án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo N là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm bị hại T đã thay đổi kháng cáo không yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N, nên cấp phúc thẩm không xem xét tăng nặng hình phạt đối với bị cáo N. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm quyết định hình phạt cho bị cáo N hưởng án treo là chưa đủ răn đe đối với bị cáo, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để răn đe giáo dục bị cáo.

Đối với bị cáo H là người trực tiếp đánh T, giật tài sản của T, khi T báo cơ quan công an, bị cáo lẩn trốn, không giao trả tài sản, bị cáo H phải chịu mức hình phạt nặng hơn bị cáo N. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo H nộp khắc phục hậu quả, nhưng mức án cấp sơ thẩm xét xử đối với bị cáo H là chưa tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, nên chấp nhận kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo H.

Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị mất gồm dây chuyền, vòng đeo tay, tai nghe và bồi thường tổn thất tinh thần tổng cộng là 55.400.000 đồng. Xét thấy đối với dây chuyền, bị cáo H xác định là không có lấy của T, tuy nhiên bị cáo xác định trong quá trình xô xát ở vùng cổ của T không biết có làm rơi dây chuyền của T hay không, bị cáo N khai “chị H có lấy dây chuyền của T hay không thì tôi không biết, nhưng khi tôi xô T ra thì bị đứt xâu chuỗi”. Các nhân chứng là giáo viên cùng trường là Trần Thị Cẩm Th4, Ngô Huệ Tr đều xác định T đi dạy có đeo dây chuyền có mặt bằng vàng (BL 125,127), lời khai ngày 4/6/2022 của người làm chứng Ng1 (BL 114) xác định bà nghe T nói “lúc này tôi bị lấy cọng dây chuyền và điện thoại mà la lên không ai giúp”, ngoài ra khi khám xét dấu vết trên cơ thể T ngày 1/6/2023 (BL 51) đã có vết xây xát da vùng cổ 20 x 0,5 cm, vết xây xát da kèm bầm máu 19 x 4,5cm mặt trong cánh tay phải, do đó có căn cứ T bị mất dây chuyền là có thật. Mặc dù không có căn cứ xác định bị cáo H giật dây chuyền của T, nhưng do bị cáo H xô xát với T nên T bị mất dây chuyền, nên yêu cầu của T buộc bị cáo H và bị cáo N phải bồi thường cho T dây chuyền và mặt dây chuyền là có căn cứ. Tuy nhiên, bị hại T không cung cấp được hóa đơn mua hàng, nên buộc bị cáo H, N phải bồi thường theo biên bản định giá là 15.566.800 đồng là có cơ sở. Đối với vòng đeo tay, bị cáo N xác định đã làm đứt xâu chuỗi đeo tay của T tại phiên tòa bị cáo N đồng ý bồi thường theo biên bản định giá là 5.355.000 đồng, bị hại T đồng ý nên được chấp nhận.

Đối với tai nghe, sau khi bị đánh, bị hại T đến ngay cơ quan công an phường 5. thành phố VL trình báo về việc mất dây chuyền, xâu chuỗi đeo tay và một tai nghe, tai nghe bị hại T đang đeo, trong lúc xô xát đã bị rớt mất. Bị cáo H cũng xác định tai nghe của bị hại T mất bị cáo không biết. Trong suốt quá trình điều tra bị hại T đều khai báo bị mất một tai nghe. Đây là vật đồng bộ, nên buộc bị cáo H, bị cáo N phải bồi thường toàn bộ tai nghe theo định giá 4.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với kháng cáo yêu cầu bồi thường tiếp 1.000.000 đồng trong ốp lưng điện thoại, thấy rằng điện thoại bị cáo H lấy của T từ ngày 1/6/2022 quản lý đến ngày

3/6/2022 bị cáo H lại không trực tiếp giao nộp mà mang bỏ tại docks cầu Phạm Thái Bường và yêu cầu Đỗ Kim B là em của bị cáo N ra lấy giao nộp cho cơ quan công an, trong ốp lưng điện thoại có 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, như vậy việc bị hại T xác định có để 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng vào ốp lưng điện thoại là có căn cứ. Do đó buộc bị cáo H, bị cáo N phải bồi thường tiếp 1.000.000 đồng là có căn cứ.

Đối với yêu cầu bồi thường tổn thất tinh thần, đối với tội danh “Cướp tài sản” không quy định phải bồi thường tổn thất tinh thần nên không căn cứ chấp nhận yêu cầu này, tuy nhiên tại cấp sơ thẩm xét xử buộc các bị cáo bồi thường 03 tháng lương cơ sở 4.470.000 đồng các bị cáo không kháng cáo nên không xem xét lại.

Từ các nhân định trên, các khoản tiền bồi thường được chấp nhận là: Dây chuyền và mặt dây chuyền: 15.566.800 đồng, tai nghe 4.000.000 đồng, chuỗi đeo tay 5.355.000 đồng, tiền trong ốp lưng điện thoại 2.000.000 đồng, đã nhận lại tại cơ quan điều tra 1.000.000 đồng còn phải bồi thường tiếp 1.000.000 đồng, tổn thất tinh thần 4.470.000 đồng. Tổng cộng 30.391.800 đồng.

Bị cáo N không xô xát trực tiếp với bị hại T, tuy nhiên nguyên nhân xuất phát từ bị cáo N nên bị cáo N cùng có trách nhiệm liên đới cùng với bị cáo H bồi thường cho bị hại T.

[4] LỜI đề nghị của vị đại diện viện kiểm sát là chưa được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do sửa án về phân trách nhiệm hình sự và dân sự nên án phí dân sự sơ thẩm được tính lại.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị hại Võ Phương T. Sửa Bản án sơ thẩm số 35/2023/HS-ST ngày 13/4/2023 của Tòa án nhân dân thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long.

1.1 Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 38, 58 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị Ngọc H 03 (ba) năm tù**, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

1.2 Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; các Điều 58, 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo **Đỗ Thị Tuyết N 02 (hai) năm tù**, về tội “Cướp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày bị cáo chấp hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại : căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586, 587 và 590 Bộ luật Dân sự

Buộc bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H và bị cáo Đỗ Thị Tuyết N có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Võ Phương T tổng cộng số tiền 30.391.800 đồng (*ba mươi triệu ba trăm chín mươi một nghìn tám trăm đồng*). Trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 15.195.900 đồng (*mười lăm triệu một trăm chín mươi lăm nghìn chín trăm đồng*).

Tiếp tục tạm giữ số tiền 10.825.000 đồng theo biên lai thu số 0000942 ngày 28/7/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố VL do bị cáo Nguyễn Thị Ngọc H nộp để đảm bảo thi hành án cho bị hại Võ Phương T.

3. Về án phí: áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn thị Ngọc H, bị cáo Đỗ Thị Tuyết N mỗi bị cáo phải nộp 759.000 đồng (*bảy trăm năm mươi chín nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- TANDCC: 01;
- VKSTC: 01;
- VKSNDCC: 01;
- VKSND TVL: 01;
- TAND + VKSND TPVL: 02;
- CQTHADS TPVL: 01;
- CQTHAHS TPVL: 01;
- Trại giam: 01; BC: 01;
- P.HỒ SƠ-CAVL: 01
- STP: 01,
- UBND xã Long Phước, xã An Bình: 01;
- TNV+P KTNV: 02;
- Lưu: 04 .

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Kiều Duyên

